

TAND HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-01- 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Lâm

Bà Nguyễn Thị Như .

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự.

1. **Nguyên đơn:** Chị Tòng Thị Y, sinh năm: 1989; Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1989; Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Tòng Thị Y trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị Y và anh T không

đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng mười năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Từ tháng 9/2019 đến nay chị Y và anh T không còn chung sống như vợ chồng. Chị Tòng Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không công nhận chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T là vợ chồng và giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T có hai con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 29/8/2009 và cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 06/4/2012. Ly hôn, chị Y có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tòng Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T khẳng định về thời điểm sống chung và không có đăng ký kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng mười năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Y bỏ nhà đi làm thuê không được sự nhất trí của anh T và có mối quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ và đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Do còn tình cảm vợ chồng không còn anh Hoàng Văn T nhất trí với yêu cầu của chị Y đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh Hoàng Văn Thi C nhận anh và chị Y có hai con chung như chị Y trình bày là đúng. Ly hôn, anh Hoàng Văn T có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Than Uyên thụ lý vụ án và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T và đại diện hai bên gia đình anh T, chị Y xác định: Chị Y, anh T sống chung như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, hiện đang sinh sống và đăng ký thường trú tại bản Chiềng Ban 1, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu do anh Hoàng Văn T là chủ hộ. Anh Hoàng Văn

T, chị Tòng Thị Y đều có nghề nghiệp là lao động tự do, mức thu nhập trung bình của anh T là 6.000.000 đồng/tháng, chị Y là 8.000.000 đồng/tháng. Chị Y và anh T có hai con chưa thành niên là cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 29/8/2009 và cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 06/4/2012. Do các đương sự không thỏa thuận được việc nuôi con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải về tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tại phiên hoà giải chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn yêu cầu Toà án ghi nhận: chị Tòng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thị L, anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Trung K. Anh chị không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt: Chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận chị Y và anh T là vợ chồng, anh Hoàng Văn T đồng ý ly hôn với chị Y. Các đương sự giữ nguyên thỏa thuận về nuôi con: chị Tòng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị L, anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Trung K, anh chị không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung chị Y và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10

ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị Y. Không công nhận chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cho chị Tòng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 06/4/2012; Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 29/8/2009 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tòng Thị Y xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký hết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản Chiềng Ban 1, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 20/01/2024, Tòa án mở phiên tòa, chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là chị Tòng Thị Y, anh Hoàng Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật cùng với phong tục tập quán hôn nhân gia đình lạc hậu nên anh chị vẫn tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ thời điểm đó đến nay anh chị vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Qua xác minh, kiểm tra sổ sách về việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T tại thời điểm anh T, chị Y sống chung không có thông tin đăng ký kết hôn của anh chị. Việc chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 2008 mà không đăng ký kết hôn là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 1 Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, các đương sự đưa ra nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình và ngoại tình nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và thực tế anh chị đã không còn sống chung từ tháng 9/2019 đến nay. Do đó, chị Y có yêu cầu giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận chị Y và anh T là vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để tuyên bố không công nhận chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

[4]. Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 43 ngày 23/9/2009 và số 89 ngày 12/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M và nơi cư trú của các đương sự xác định:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T có hai con chung là cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 29/8/2009 và cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 06/4/2012. Xét về điều kiện, Anh Hoàng Văn T và chị Tòng Thị Y đều có nơi cư trú tại bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, có nhà ở ổn định; Anh Hoàng Văn T, chị Tòng Thị Y đều có nghề nghiệp là lao động tự do, mức thu nhập trung bình của anh T là 6.000.000 đồng/tháng, chị Y là 8.000.000 đồng/tháng, có các điều kiện như nhau để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cháu Hoàng Trung K, và cháu Hoàng Thị L đã trên 07 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Than Uyên tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên. Ý kiến cháu L muốn sống cùng với mẹ là chị Tòng Thị Y, cháu K muốn sống cùng bố là anh Hoàng Văn T. Tại phiên hoà giải và trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà chị Y và anh T đã thoả thuận được việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi và phù hợp với ý kiến của con chung chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận:

Giao cho chị Tòng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 06/4/2012; Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu cháu Hoàng Trung K1, sinh ngày 29/8/2009 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tòng Thị Y và anh Tòng Văn T1 không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Tòng Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên về quan điểm giải quyết nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 39 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị Y.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tòng Thị Y và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

3. Về nuôi con chung: Giao cho chị Tòng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 06/4/2012; Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 29/8/2009 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con theo Quyết định của Tòa án. Các đương sự có quyền yêu cầu nhau cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Hoàng Văn T, chị Tòng Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tòng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Tòng Thị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001228 ngày 25/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- UBND xã Mường Kim, huyện Than Uyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Quàng Thị Phương